

Quyết định giám đốc thẩm
Số:05/2019/HC-GĐT
Ngày 28/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vinh Quang;
Bà Bùi Thị Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án hành chính giữa:

Người khởi kiện: **Ông Nguyễn Văn Th1**; Địa chỉ: Xóm A, thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hà Nội;

Người bị kiện: **Ủy ban nhân huyện D, thành phố Hà Nội.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Th2;
2. Ông Nguyễn Văn B (L);
3. Bà Nguyễn Thị L;
4. Anh Nguyễn Văn Ch;
5. Anh Nguyễn Văn Q.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1991, cụ Nguyễn Văn T (bố đẻ ông Nguyễn Văn B) được Ủy ban nhân dân xã C xét duyệt cấp 118m² đất, thửa đất số 151 sử dụng vào mục đích đất ở trong tổng số 10.000m² đất tại xã C đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cũ giao để cấp đất giãn dân, khi đó cụ T đã nộp 1 phần tiền sử dụng đất.

Ngày 20/5/2004, ông Nguyễn Văn B đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Th1 diện tích đất này, ông Th1 đã nộp nốt số tiền còn lại là

1.449.000đ vài ngân sách xã C và sử dụng diện tích 118m² đất, cho đến nay gia đình ông Th1 cũng không có tranh chấp với gia đình ông B.

Năm 1988, bố đẻ ông (Th1) là cụ Nguyễn Văn Ph đã xây tường kè, đổ đất vào diện tích “Ao ông Trươi” và sử dụng liên tục cho đến nay và không có tranh chấp (tại thửa đất số 201, 202 theo bản đồ đo vẽ năm 2002). Ngày 22/3/2004 ông Th1 đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 201 có diện tích 118,9m² trong diện tích đất gia đình ông sử dụng; thửa đất số 202 có diện tích 99m² đã có tên trong bản đồ và sổ theo dõi quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý và cũng không có tranh chấp với ai.

Năm 2009 gia đình ông Th1 đã xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên toàn bộ 03 thửa đất gia đình sử dụng. Quá trình xây dựng nhà gia đình ông không bị Ủy ban nhân dân xã hoặc cơ quan chức năng xử lý về hành vi vi phạm gì. Từ khi hình thành khu dân cư đến nay, ở khu vực đất gia đình ông sử dụng không có bất cứ ngõ đi nào.

Từ năm 2005, 2006 một số công dân ở cùng thôn đã có đơn tố cáo ông lấn chiếm đất ngõ đi và đề nghị thu hồi 27,4m² đất của gia đình ông. Thực tế ông không có hành vi lấn chiếm, quá trình sử dụng cũng không bị lập biên bản xử lý hành chính về hành vi chiếm đất; phần đất mà các hộ dân đòi mở ngõ qua đất nhà ông không phải là ngõ đi hình thành từ khi cấp đất giao dân cho các hộ.

Ngày 27/7/2007, UBND huyện D ban hành quyết định 565/QĐ-UBND thu hồi 27,4m² đất của ông Th1 tại xóm A, thôn B, xã C để làm ngõ đi chung.

Ngày 28/7/2008, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 550/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 27/7/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D.

Ngày 9/3/2010, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Thông báo số 14/TB-UBND về kết quả giải quyết tố cáo liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Th1 và ông Nguyễn Văn B. Thông báo có nội dung: *Giao Ủy ban nhân dân xã C: lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, xử lý theo hướng hợp thức hóa quyền sử dụng đất theo Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với:*

- Hộ ông Nguyễn Văn Th1 đối với diện tích 118 m² đất nhận chuyển nhượng trái phép từ ông Nguyễn Văn B trong thửa số 151 tờ bản đồ số 03 xã C đo vẽ năm 2002.

- Hộ ông Nguyễn Văn Th2 đối với diện tích 99m² tại thửa số 202 tờ bản đồ số 03 xã C đo vẽ năm 2002.

Ngày 31/5/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Thông báo số 136/TB-UBND về kết quả xác minh, kết luận đơn tố cáo của 1 số công dân xóm A, thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hà Nội. Nội dung thông báo thể hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân huyện D hủy bỏ phần 2.1 mục 2 xử lý về đất đai tại Thông báo số 14/TB-UBND ngày 09/3/2010 của UBND huyện D.

- Ban hành quyết định thu hồi diện tích đất UBND xã C quy hoạch làm ngõ đi chung mà gia đình ông Th1 đã lấn chiếm.

- Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở quy hoạch kiến trúc làm rõ quy hoạch trong khu vực, có phương án xử lý đối với diện tích còn lại gia đình ông Nguyễn Văn Th1 đang sử dụng, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Ngày 29/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện D đã ban hành quyết định số 596/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,4m² đất (trong đó có 14,3 m² giáp thửa đất 151 và 13,1 m² giáp thửa đất số 202 tờ bản đồ số 03 của Ủy ban nhân dân xã C đo vẽ năm 2002) của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th1 đang sử dụng tại xóm A, thôn B, xã C, huyện D và yêu cầu ông Th1 tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên diện tích đất bị thu hồi.

Ngày 09/01/2012, ông Nguyễn Văn Th1 khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện D vì cho rằng Quyết định số 596/QĐ-UBND là quyết định thu hồi trái với Nghị định, pháp luật về đất đai, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 24/9/2013 Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hà Nội đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th1.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 63/2014/HCPT ngày 29/5/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện D và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th1, hủy Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Th1.

Ngày 5/8/2016, ông Nguyễn Văn A, Ngô Văn M, Ngô Văn B, Ngô Văn U có đơn khiếu nại gửi Tòa án nhân dân tối cao với nội dung đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm 63/2014/HCPT ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 18/01/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Kháng nghị số 02/2019/KN-HC, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng: Hủy bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại thửa đất số 151:

[2] Năm 1991 cụ Nguyễn Văn T (bố của ông Nguyễn Văn B) được Ủy ban nhân dân xã C hợp thức hóa 50m² đất ao liền kề ở của gia đình cụ. Cụ T đã nộp 130.000 đồng bằng 100kg thóc. Sau đó, ông Ngô Văn M là hàng xóm lân chiếm diện tích đất này, nên năm 1996 Ủy ban nhân dân xã C đã thống nhất cấp cho cụ T 01 suất đất ở Ao ông Trươi có diện tích 118m² theo Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/11/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cũ (Quyết định giao 10.000m² đất tại xã C cho Ủy ban nhân dân huyện D chuyển thành đất thổ cư giải quyết cho các hộ dân xã C làm nhà ở). Cụ T chết năm 1992, nên trong Biên bản tạm thời giao đất ở ghi tên ông Nguyễn Văn B, diện tích đất được giao có kích thước và vị trí tứ cận “phía Đông dài 9,1m giáp đất ông Ch, phía Tây dài 9,1m giáp đất bà Ch, phía Nam dài 13,4m giáp đất ông Th1 và phía Bắc dài 12,7m giáp đất ông L cộng Ngô; diện tích ngõ đi chung của 3 hộ ông L, Đ, B có chiều dài 22m và rộng 2m”. Tuy nhiên, ông B chưa nộp nốt số tiền của diện tích đất là 68m² nên Ủy ban nhân dân xã C chưa giao đất và chưa giao Biên bản giao đất cho ông B.

[3] Ngày 20/5/2004, vợ chồng ông B và ông Th1 xác lập giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Th1. Ngày 30/7/2004, ông Th1 đã nộp nốt số tiền 1.449.000 đồng vào Ngân sách xã C. Ủy ban nhân dân xã C đã chấp nhận cho ông Th1 nộp nốt số tiền gia đình ông B còn thiếu trên để nộp trả ngân sách xã là thể hiện ý chí của Ủy ban nhân dân xã đã chấp nhận việc cấp đất giao dân cho gia đình ông B và gia đình ông B là bên sử dụng đất đã nộp đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Thửa đất này đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Ông B và Ông Th1 có lời khai khi cấp đất không có ngõ đi về phía khu đất, nên ông B đã bán cho ông Th1 diện tích đất này năm 2004. Giữa ông B và ông Th1 nay không có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Do đó, có cơ sở khẳng định tại thời điểm giao đất tạm thời cho ông B vì thực địa đất là ao nên chưa có lối đi chung.

[5] Theo trích lục Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002 cho thấy, tiếp giáp giữa các Thửa đất số 151, 201, 202 với các thửa đất của các hộ liền kề là 1 khoảng trống. Theo kết quả xác minh ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện D xác định lối đi theo Bản đồ 2002 là do thôn tự lập, quy hoạch kẻ vẽ còn thực tế từ trước đó cho đến năm 2002 và cho đến nay chưa bao giờ có lối đi trên; ngõ đi chung của 03 hộ ông L, ông Đ, ông B có chiều dài 22m, rộng 02m chỉ thể

hiện trên bản đồ 2002 và Bản đồ năm 2002 chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, từ trước đến nay cũng chưa xác định vị trí, kích thước, mốc giới của ngõ đi chung dài 22m, rộng 02m nêu trên. Điều này cho thấy địa phương cũng đã có quy hoạch tạo ngõ đi chung giữa các thửa đất nêu trên.

[6] Theo sơ đồ do Tòa án nhân dân huyện D lập ngày 10/7/2013 thì hộ gia đình ông Th1 đang sử dụng diện tích, kích thước đúng như diện tích, kích thước được tạm giao cho ông B năm 1996. Vì vậy, không có cơ sở khẳng định ông Th1 có hành vi lấn chiếm đất công 14,3m² được quy hoạch làm ngõ đi. Ngày 29/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 596/QĐ-UBND thu hồi 14,3m² giáp thửa đất số 151, buộc ông Th1 tháo dỡ công trình đã xây dựng trên đất mà không bồi thường về đất và tài sản trên đất cho hộ gia đình ông Th1 là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th1. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 596/QĐ-UBND về phần này là có căn cứ.

[7] Đối với thửa đất số 201 và thửa đất số 202:

[8] Cụ Nguyễn Văn Ph (cha của ông Th1) xây kè, đắp đất và sử dụng 1 phần diện tích ao ông Trượ (đất ao công) từ khoảng năm 1987 -1988.

[9] Năm 1992, ông Th1 được Ủy ban nhân dân xã C hợp thức hóa phần diện tích 115m² đất thuộc khu vực gia đình đang sử dụng theo Quyết định số 63/QĐ-UB ngày 01/03/1989 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình (cũ). Ông Th1 cho rằng phần đất này ông được cụ Ph tặng cho bằng miệng, còn phần đất ông được cấp là thuộc thửa đất số 202 nhưng ông Th1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Ngày 22/3/2004, Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th1 với thửa đất số 201, diện tích 118,9m²; còn thửa đất số 202 đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ năm 2002 thì diện tích đất 99 m² thuộc thửa số 202 đứng tên ông Nguyễn Văn Th2 (em trai ông Th1); phần diện tích đất này chính là phần còn lại của tổng diện tích mà cụ Ph đã xây kè bao chiếm từ năm 1987-1988 trừ đi phần diện tích mà Ủy ban nhân dân xã C đã cấp cho ông Th1. Theo sơ đồ do Tòa án nhân dân huyện D lập ngày 10/7/2013, Thửa đất số 202 có diện tích 112,2m², nhiều hơn so với diện tích 99m² được ghi trong Trích lục Bản đồ 2002 là 13,2m². Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện D thu hồi diện tích này để quy hoạch làm ngõ đi chung là có cơ sở.

[10] Tuy nhiên, ông Th1 xây dựng các công trình trên đất không có giấy phép, không bị xử lý vi phạm về hành vi lấn, chiếm đất, xây dựng công trình trái phép; chính quyền địa phương biết và cũng không ban hành văn bản xử lý vi phạm nên cần phải làm rõ trong trường hợp này thì hộ gia đình ông Th1 khi bị thu hồi đất có được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất hay không?

[11] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Th1 và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng trong quá trình sử dụng thửa đất số 202, gia đình ông Th1 không có tranh chấp với ai và cũng không bị xử lý vi phạm hành chính do hành vi lấn, chiếm đất, ngoài việc đo vẽ năm 2002 có hình thành khoảng trống được coi là ngõ thì không còn căn cứ nào khác để xác định ở vị trí này đã được quy hoạch làm ngõ đi chung nên xác định gia đình ông Th1 không có hành vi lấn, chiếm đất công là chưa phản ánh đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên hủy Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện D về lý do này là chưa đảm bảo chặt chẽ.

[12] Trên thực tế lối đi chung giữa các thửa đất mà hộ gia đình ông Th1 đang quản lý, sử dụng với các thửa đất liền kề chưa được quy hoạch bởi cấp có thẩm quyền mà mới chỉ được thể hiện trong Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002 nêu trên. Hiện nay các hộ dân tại xóm A, thôn B tiếp tục có khiếu nại. Trong trường hợp này cần thiết phải tổ chức để cho các bên đối thoại, làm rõ các vấn đề nêu trên thì mới đảm bảo giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 272, Điều 274 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Kháng nghị số 02/2019/KN-HC ngày 18/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 63/2014/HCPT ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HCST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hà Nội, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh

Nguyễn Vinh Quang

Trần Văn Tuấn